



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU  
PHILLYMASTIC TG-7B PASTE HARDENER**

**PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp**

**Nhận dạng sản phẩm**

**Tên sản phẩm** PHILLYMASTIC TG-7B PASTE HARDENER

**Số hiệu sản phẩm** Y0014

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

**Mục đích sử dụng đã được xác định** Chất làm cứng.

**Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu**

**Nhà cung cấp**

ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
mail@itwpp.com

**Số điện thoại khẩn cấp**

**Số điện thoại khẩn cấp** +44(0)1235 239 670 (24h)

**PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại**

**Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

**Nguy hại vật chất** Không xếp loại

**Nguy hại về sức khỏe** Độc tính cấp tính loại 5 - H313 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317

**Nguy hại về môi trường** Cấp tính thủy sinh loại 3 - H402 Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

**Thành phần nhân**

**Hình đồ**



**Từ cảnh báo**

Nguy hiểm

**Câu cảnh báo nguy cơ**

H313 Có thể gây hại nếu tiếp xúc với da.  
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

## PHILLYMASTIC TG-7B PASTE HARDENER

### Câu phòng ngừa

P273 Tránh thải ra môi trường.  
 P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.  
 P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức.  
 Rửa sạch da bằng nước/ tắm.  
 P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.  
 P310 Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ ngay lập tức.  
 P501 Thải bỏ hóa chất/ bình chứa theo quy định quốc gia.

### Bao gồm

TRIETHYLENETETRAMINE, Terpeneol, p-mentha-1,4(8)-diene

### Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

#### Hỗn hợp

<b>TRIETHYLENETETRAMINE</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 112-24-3	
<b>Phân loại</b>	
Độc tính cấp tính loại 4 - H312	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412	
<b>Terpeneol</b>	<b>1-5%</b>
Số CAS: 8000-41-7	
<b>Phân loại</b>	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411	
<b>p-mentha-1,4(8)-diene</b>	<b>1-5%</b>
Số CAS: 586-62-9	
Nhân tố M (cấp tính) = 1	
Nhân tố M (mẫn tính) = 1	
<b>Phân loại</b>	
Mẫn cảm da loại 1B - H317	
Độc tính hô hấp loại 1 - H304	
Cấp tính thủy sinh loại 1 - H400	
Mẫn tính thủy sinh loại 1 - H410	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu

## PHILLYMASTIC TG-7B PASTE HARDENER

<b>Thông tin chung</b>	Show this safety data sheet to the doctor in attendance Không hít hơi/ bụi nước. Avoid contact with eyes.
<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
<b>Sự ăn phải</b>	Không cố nôn ra. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

<b>Ghi chú cho bác sĩ</b>	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

### **PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

#### Cách chữa cháy

<b>Cách chữa cháy phù hợp</b>	Dập lửa với các phương tiện sau: Dập lửa với bột chống cồn, cacbon dioxit, bột khô hoặc bình xịt phun sương.
-------------------------------	--

#### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

<b>Những nguy hại cụ thể</b>	Tránh hít khí hoặc hơi cháy.
------------------------------	------------------------------

#### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

<b>Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy</b>	Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.
---	---

<b>Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa</b>	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--	--

### **PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn**

#### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

<b>Những cảnh báo cho cá nhân</b>	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.
-----------------------------------	--

#### Các cảnh báo về môi trường

<b>Những cảnh báo về môi trường</b>	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

#### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

<b>Các phương pháp lau dọn</b>	Thu gom và hấp thụ chất tràn đổ bằng cát, đất hoặc các chất liệu không dễ cháy khác. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Dán nhãn thùng chứa chất thải và các chất liệu nhiễm hóa chất và đưa ra khỏi khu vực càng sớm càng tốt. Giội rửa khu vực bị ô nhiễm với nhiều nước.
--------------------------------	--

#### Tham khảo cho các phần khác

<b>Tham khảo cho các phần khác</b>	Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.
------------------------------------	---

## PHILLYMASTIC TG-7B PASTE HARDENER

### PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

#### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

#### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Store in closed original container at temperatures between 15°C and 25°C. Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín. Bảo quản trong thùng chứa đóng kín. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

#### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

### PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

**Chú thích thành phần** WEL = Workplace Exposure Limits

#### Quản lý phơi nhiễm

##### Thiết bị bảo hộ



**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

**Bảo hộ mắt/mặt** Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

**Bảo hộ tay** Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

**Bảo hộ khác cho da và cơ thể** Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

**Các biện pháp về vệ sinh** Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

**Bảo hộ cho hô hấp** Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

**Hình dáng bên ngoài** Chất lỏng.  
**Màu sắc** Không màu đến phớt vàng.  
**Mùi đặc trưng** Mùi đặc trưng.

## PHILLYMASTIC TG-7B PASTE HARDENER

<b>Độ pH</b>	pH (dung dịch đậm đặc): 7 @ 25 °C
<b>Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi</b>	204°C @
<b>Điểm chớp cháy</b>	118°C
<b>Điểm cháy trên/dưới hoặc giới hạn gây nổ</b>	Giới hạn cháy/nổ dưới: 1.0 Giới hạn cháy/nổ trên: 3.6
<b>Tỷ trọng tương đối</b>	1.6 @ 20 °C
<b>Tính tan</b>	Có thể trộn lẫn với nước.
<b>Thông tin khác</b>	Không có.

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

<b>Khả năng hoạt động của chất</b>	Chất oxy hóa mạnh.
<b>Mức độ ổn định của chất</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
<b>Khả năng gây ra phản ứng nguy hại</b>	Không có.
<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Nitrous acid and other nitrosating agents.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

### PHẦN 11: Thông tin về độc tính

#### Thông tin về tác động của độc tính

#### Độc tính cấp tính- qua da

**Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg)** 4.464,29

<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây ăn mòn. Tiếp xúc kéo dài gây hủy hoại tế bào nghiêm trọng. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Sản phẩm này ăn mòn mạnh. Sơ cứu trực tiếp là cấp thiết.
<b>Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính</b>	May cause cancer. Phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại có thể gây kích ứng trầm trọng. Tiếp xúc kéo dài và lặp lại với dung môi trong một thời gian dài có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe lâu dài. Có thể hủy hoại gan và/hoặc thận. Hệ hô hấp, phổi

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính môi sinh</b>	Tránh hoặc hạn chế tối đa việc tạo ra ô nhiễm môi trường.
<b>Độc tính</b>	Không được cho là gây độc cho cá.
<b>Độ bền vững và độ phân hủy</b>	
<b>Độ bền và độ phân hủy</b>	Avoid subsoil penetration.
<b>Tiềm năng tích tụ sinh học</b>	

## PHILLYMASTIC TG-7B PASTE HARDENER

**Khả năng tích lũy sinh học** Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

### Tính di động trong đất

**Tính di động** Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch.

### Các tác động có hại khác

**Các tác động có hại khác** Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

**Thông tin chung** Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

**Các phương pháp thải bỏ** Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

**Nhóm chất thải** 08 04 99

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

#### Số UN

**Số UN (Đường bộ/Đường sắt)** 1760

**Số UN (IMDG)** 1760

**Số UN (ICAO)** 1760

#### Tên vận chuyển chuẩn UN

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)** CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (TRIETHYLENETETRAMINE)

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)** CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (TRIETHYLENETETRAMINE)

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)** CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (TRIETHYLENETETRAMINE)

#### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

**Nhóm Đường bộ/Đường sắt** 8

**Nhãn Đường bộ/Đường sắt** 8

**Nhóm IMDG** 8

**Nhóm/ mục ICAO** 8

#### Nhãn vận chuyển



#### Nhóm đóng gói

**Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt** II

**Nhóm đóng gói IMDG** II

**Nhóm đóng gói ICAO** II

## PHILLYMASTIC TG-7B PASTE HARDENER

### Các nguy hại về môi trường

**Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh**

Không.

### Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-B

**Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt)** 80

### PHẦN 15: Thông tin luật định

### PHẦN 16: Thông tin khác

**Ngày sửa đổi** 06/04/2018

**Sửa đổi** 11

**Ngày thay thế** 13/02/2018

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc hít phải.  
 H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.  
 H313 Có thể gây hại nếu tiếp xúc với da.  
 H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.  
 H315 Gây kích ứng da.  
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
 H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
 H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
 H400 Rất độc hại cho đời sống thủy sinh.  
 H402 Gây hại cho đời sống thủy sinh.  
 H410 Rất độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.  
 H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.  
 H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.